

Số: **5138**/UBND-KTTH

Quảng Ngãi, ngày **11** tháng 10 năm 2022

V/v thực hiện chính sách hỗ
trợ tiền sử dụng sản phẩm,
dịch vụ công ích thủy lợi trên
địa bàn tỉnh Quảng Ngãi

Kính gửi:

- Bộ Tài chính;
- Bộ Nội vụ;
- Ủy ban Dân tộc.

Thực hiện các quy định về giá tối đa sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành, cụ thể: Thông tư số 280/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 Quy định giá tối đa sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi, Quyết định số 1050a/QĐ-BTC ngày 30/6/2018 về giá tối đa sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi giai đoạn 2018 - 2020 và Quyết định số 1477/QĐ-BTC ngày 05/8/2021 về giá tối đa sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi năm 2021, Bộ Tài chính quy định Biểu giá tối đa sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi phân chia theo vùng miền núi cả nước và các vùng còn lại.

Đối với việc xác định đơn vị cấp xã thuộc vùng miền núi để thực hiện chính sách hỗ trợ tiền sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi, UBND tỉnh Quảng Ngãi báo cáo và đề nghị Bộ Tài chính, Bộ Nội vụ, Ủy ban Dân tộc các nội dung sau:

1. Về căn cứ xác định đơn vị cấp xã thuộc vùng miền núi để áp dụng giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi

a) Trong giai đoạn từ tháng 6/2021 về trước:

- Quyết định số 301/2006/QĐ-UBND ngày 27/11/2006 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc về việc công nhận 3 khu vực vùng dân tộc thiểu số và miền núi theo trình độ phát triển.

- Quyết định số 447/QĐ-UBND ngày 19/9/2013 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc về việc công nhận thôn đặc biệt khó khăn, xã khu vực I, khu vực II, khu vực III thuộc vùng dân tộc và miền núi giai đoạn 2012 - 2015 (thay thế Quyết định số 301/2006/QĐ-UBND).

- Quyết định số 582/QĐ-TTg ngày 28/4/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt danh sách thôn đặc biệt khó khăn, xã khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2016 - 2021 (bãi bỏ Quyết định số 447/QĐ-UBND).

b) Từ ngày 04/6/2021 đến nay: Căn cứ theo Quyết định số 861/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt danh sách các xã khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn

2021 - 2025 (thay thế Quyết định số 582/QĐ-TTg ngày 04/6/2021).

2. Mặc dù Bộ Tài chính quy định Biểu giá tối đa sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi phân chia theo vùng miền núi cả nước và các vùng còn lại nhưng không quy định rõ căn cứ xác định đơn vị hành chính miền núi theo quyết định nào. Vì vậy, tỉnh Quảng Ngãi căn cứ theo các Quyết định nêu trên của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc, Thủ tướng Chính phủ để xác định đơn vị cấp xã thuộc vùng miền núi, làm cơ sở áp dụng giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

3. Từ khi áp dụng Quyết định số 861/QĐ-TTg để xác định đơn vị cấp xã thuộc vùng miền núi thì một số địa phương, đơn vị miền núi (trong đó có nhiều địa phương thuộc đối tượng thay đổi từ vùng miền núi sang vùng đồng bằng so với quy định tại Quyết định số 582/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ) phản ánh việc thay đổi từ vùng miền núi sang vùng đồng bằng không phù hợp với tình hình thực tế (vì địa hình phức tạp, chi phí quản lý, khai thác vận hành, duy tu bảo dưỡng công trình cao hơn rất nhiều so với khu vực đồng bằng), nên gặp nhiều khó khăn trong việc bảo đảm kinh phí hoạt động cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi; đồng thời, kiến nghị tham vấn các cơ quan Trung ương việc áp dụng các văn bản pháp lý nêu trên có đảm bảo phù hợp với quy định hiện hành.

4. Kiến nghị

Để bảo đảm việc thực hiện chính sách hỗ trợ tiền sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi trên địa bàn tỉnh bảo đảm tuân thủ quy định, UBND tỉnh Quảng Ngãi kính đề nghị Bộ Tài chính, Bộ Nội vụ, Ủy ban Dân tộc quan tâm, có ý kiến đối với cơ sở pháp lý xác định đơn vị hành chính miền núi theo các quy định hiện nay để địa phương có căn cứ tổ chức thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ Nông nghiệp và PTNT;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Các Sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
Tài chính;
- VPUB: CVP, PCVP(KTN), P.KTN, CB-TH;
- Lưu VT, P.KTTH Tien498.

**KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Trần Phước Hiền